

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 27-5-2020

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH KHÁNH HÒA**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Ân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Thái Thị Đang
2. Ông Nguyễn Thành

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 296/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2020/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc D – sinh năm 1979; có mặt.

Địa chỉ: Thôn H, xã Diên L, huyện D, Khánh Hòa.

- Bị đơn: Bà Trương Thị A – sinh năm 1980; vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 4, xã Diên P, huyện D, Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/10/2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc D trình bày: Ông và bà Trương Thị A tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2003 tại Ủy ban nhân dân xã Diên P, huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng quan điểm sống. Bà A đã về nhà mẹ ruột tại thôn 4, xã Diên P sinh sống từ năm 2004 cho đến nay. Từ đó đến nay, giữa ông và bà A không còn quan tâm gì tới nhau. Ông xác định không còn tình cảm với bà A nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà A.

Về con chung: Ông Nguyễn Ngọc D và bà Trương Thị A có một con chung là Nguyễn Ngọc Anh Đ - sinh ngày 11/10/2003. Hiện nay cháu đang sống với ông, ông có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà A cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Ngọc D xác định không có.

Đối với bị đơn bà Trương Thị A trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, không đến Tòa để làm việc.

- Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện D: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc D. Cho ông Nguyễn Ngọc D được ly hôn với bà Trương Thị A; về con chung: giao cho ông Nguyễn Ngọc D trực tiếp nuôi dưỡng con chung và tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho bà A; về tài sản chung và nợ chung: Ông D xác định không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu nên không xem xét; về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Trương Thị A đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Ngọc D và bà Trương Thị A tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 29/8/2003 và được Ủy ban nhân dân xã Diên P, huyện D, tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 59, đây là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc D yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà Trương Thị A vì cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, ông không còn tình cảm với bà A. Từ năm 2004 đến nay, ông D không còn sống chung với bà A, mỗi người tự lo cuộc sống của mình, không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau. Bị đơn bà Trương Thị A vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, điều đó cho thấy bà A đã không còn quan tâm đến cuộc sống hôn nhân với ông D. Hội đồng xét xử xét thấy đủ cơ sở để xác định tình cảm giữa bà A và ông D thực sự không còn, quan hệ hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giải quyết cho ông D được ly hôn với bà A là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Ông Nguyễn Ngọc D và bà Trương Thị A có một con chung là Nguyễn Ngọc Anh Đ - sinh ngày 11/10/2003. Xét cháu Đ hiện đang chung sống ổn định với ông D, cháu cũng có nguyện vọng được sống cùng ông D nên giao cháu Đ cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho bà Trương Thị A.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Ngọc D xác định giữa ông và bà Trương Thị A không có tài sản chung và nợ chung, ông D không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[2.4] Về án phí: Ông Nguyễn Ngọc D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc D được ly hôn với bà Trương Thị A.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Anh Đ - sinh ngày 11/10/2003 cho ông Nguyễn Ngọc D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho bà Trương Thị A.

Bà Trương Thị A có quyền và nghĩa vụ thăm năm con chung mà không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, Nguyễn Ngọc D và bà Trương Thị A đều có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Ông Nguyễn Ngọc D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Quy định: Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Ngọc D phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí mà ông D đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0007308 ngày 18/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện D. Như vậy, ông D đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- UBND xã Diên P, huyện D
(Nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Ân

